ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22 /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 3 năm 2014*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho các cá nhân thuộc tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 1580
Ngày: 26/3/14
Chuyển:

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20/10/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng";

Thực hiện Công văn số 1572/BTĐKT-VIII ngày 05/9/2013 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng";

Để ghi nhận công lao của các cá nhân có chồng, con, bản thân hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho 253 cá nhân (trong đó: 34 cá nhân được tặng và 219 cá nhân truy tặng) thuộc tỉnh Quảng Ngãi đã có chồng, con, bản thân hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc *(có danh sách, biên bản và hồ sơ kèm theo)*

Kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương (06 bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC$_{lmc191}$.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Cao Khoa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TẶNG DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG"

(Kèm theo Tờ trình số 22 /TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	THÔNG TIN VỀ BÀ MẸ						THÔNG TIN VỀ LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH										
	Họ và tên	Năm sinh	Tình hình hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Nguyên quán Nơi đăng ký hồ sơ	Tổng số LS, TB	Họ và tên LS Họ và tên TB	Quan hệ với bà mẹ				Số Bằng TQGC	Số hồ sơ	Số GCN TB	Tỷ lệ TT	Ghi chú
									Con đẻ	Con nuôi	Chồng	Bản thân mẹ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Thị Lộc	1920	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Siêng			x		DX-774cm	978 QN			
								Nguyễn Quân	x				1D-503k	9894 NB			
2	Phạm Thị Thu	1926	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thu			x		EL-404cm	3507 QN			
								Nguyễn Văn Thu	x				5P-587b	27902 NB			
3	Lê Thị Nhẽ	1907	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Bình			x		DM 275^{cm}	779 QN			
								Nguyễn Thị Liên	x				2I- 963^{c}	27742 NB			
4	Nguyễn Thị Thiệt	1925	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đoàn Văn Thiệt	x				6K- 777^{b}	33863 NB			
								Đoàn Thường	x				RM- 371^{k}	6288 NB			
5	Võ Thị Ba	1925	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Bá			x		1N - 260^{cm}	13476 NB			
								Nguyễn Văn Ba	x				1N - 947^{k}	13477 NB			
6	Nguyễn Thị Hoài	1937	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Cân			x		1T- 128^{c}	12970 NB			
								Phạm Nhành	x				A- 218 bt	53574 NB			
7	Lê Thị Ngôn	1926	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đới	x				1N- 898^{k}	13405 NB			
								Nguyễn Thị Lan	x				1P- 155^{c}	13498 NB			
8	Trần Thị Lan	1932	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hữu Phúc			x		2P - 082^{c}	27593 NB			
								Nguyễn Hữu Hùng	x				3U- 279^{k}	49914 NB			
9	Nguyễn Thị Thái	1921	Sống	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Thân Văn Trận	x				AO-326cm	55976 NB			
								Thân Thị Lệ Mỹ	x				HB-938ct	6828 QN			
10	Phạm Thị Đợi	1921	Sống	kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Trông	x				3I-648b	14018 NB			
								Trần Thị Lan	x				3Z-692c	48013 NB			
11	Huỳnh Thị Thắm	1923	Sống	Kinh	Không	Xã Phổ Văn, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Dinh			x		M^{G} - 172^{B}	27000 NB			
								Nguyễn Chí Minh	x				2U - 277c	26998 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	Đinh Thị Thoảng	1937	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tấn Thích			x		GP- 905cm	5742 QN			
								Nguyễn Văn Vân	x				9U- 695b	51850 NB			
13	Trần Thị Muộn	1933	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hảo			x		2U-190c	30843 NB			
								Nguyễn Thành	x				3E - 198c	36995 NB			
14	Phạm Thị Thiêm(Thêm)	1923	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Thành			x		ĐX- 794cm	1058 QN			
								Võ Được	x				LM - 926k	2053 NB			
15	Võ Thị Một	1935	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thân Vinh			x		ĐT- 726cm	2226 QN			
								Nguyễn Văn Vĩnh	x				3A - 770k	37020 NB			
16	Nguyễn Thị Cẩn	1935	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Đình Bích			x		YL - 261b	1754 NB			
								Trần Đình Mạnh	x				9G - 071b	49853 NB			
17	Nguyễn Thị Bằng	1921	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Văn Lợi	x				LM - 936k	2065 NB			
								Võ Văn Lộc	x				TM -725c	2085 NB			
18	Lê Thị Loan	1922	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Trung Sơn	x				3G - 643c	37078 NB			
								Nguyễn Thị Kim Thái	x				DY -268cm	1177 QN			
19	Lê Thị Hiệp	1923	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Phương	x				YL - 260b	1753 NB			
								Nguyễn Liên	x				1Đ - 057b	2308 NB			
20	Võ Thị Mùi	1919	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Huỳnh	x				EB -261cm	2589 QN			
								Nguyễn Ngưu	x				YT- 553b	1820 NB			
21	Lê Thị Thạnh	1920	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Bá Cường	x				8G- 84b	46444 NB			
								Huỳnh Thị Huần	x				6T -628b	36935 NB			
22	Cao Thị Chánh	1924	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hoà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đặng Chuộc	x				1Q- 697b	7572 NB			
						Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi		Đặng Văn Phúc	x				1Q- 712b	7597 NB			
23	Nguyễn Thị Nuôi	1923	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đoàn Giỏi	x				1T -128k	14190 NB			
								Đoàn Luyện	x				1T -524k	14189 NB			
24	Phan Thị Phu	1923	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Hồ Đích			x		3M -849c	40575 NB			
								Hồ Tôn	x				3H-249k	40576 NB			
25	Hồ Thị Cát	1926	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Chung			x		CU - 693cm	116 QN			
								Lê Thị Hữu	x				ĐO -268bm	1887 QN			
26	Tôn Thị Thìn	1920	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Thị Côi	x				1Z- 705b	49725 NB	Mẹ có 2 người chồng có 2 con là liệt sĩ		
								Đoàn Long Tiến		x			4G - 967c	7613 NB			
27	Trần Thị Mọi	1925	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Danh			x		DC- 090cm	485 QN			
								Ngô Văn Hồng	x				1V- 032b	8100 NB			
28	Lê Thị Giỏi	1921	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Lai			x		DC- 048cm	653 QN			
								Nguyễn Văn Vàng	x				1V- 099b	8085 NB			
29	Phạm Thị Thay	1933	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Trợ			x		EK- 684cm	3344 QN			
								Trần Duân	x				ĐA-879bt	1319 QN			
30	Nguyễn Thị Tuấn	1930	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Hớn			x		3E- 320c	36996 NB			
								Võ Thị Lâm	x				GV- 745cm	6202 QN			
31	Phạm Thị Tú	1934	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Tôn Long Minh			x		AK -163cm	55855 QN			
								Tôn Long Khiết	x				ĐU -113km	2222 QN			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
32	Lê Thị Giá	1922	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Châu			x		GH -788cm	5560 QN			
								Huỳnh Đức	x				1Z- 649b	7621 NB			
33	Nguyễn Thị Thơ	1924	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Từ Đình Kỳ			x		EL -445cm	3463 QN			
								Từ Đình Phước	x				EM- 368k	1408 NB			
34	Trần Thị Hưng	1926	Sống	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Kỳ	x				3K 728b	19403 NB			
								Huỳnh Niệm	x				3K 729b	19404 NB			

TỔNG CỘNG: 34 TRƯỜNG HỢP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Cao Khoa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TRUY TẶNG DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG"

(Kèm theo Tờ trình số 22 /TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	THÔNG TIN VỀ BÀ MẸ						THÔNG TIN VỀ LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH										
	Họ và tên	Năm sinh	Tình hình hiện nay	Dân tộc	Tôn giáo	Nguyên quán Nơi đăng ký hồ sơ	Tổng số LS, TB	Họ và tên LS Họ và tên TB	Quan hệ với bà mẹ				Số Bằng TQGC	Số hồ sơ	Số GCN TB	Tỷ lệ TT	Ghi chú
									Con đẻ	Con nuôi	Chồng	Bản thân mẹ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Võ Thị Hoàng	1922	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Anh	x				EK- 539[b]	51738 NB			
								Trần Văn Tiếng	x				5D- 635[b]	27664 NB			
2	Nguyễn Thị Sinh	1909	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đoàn Trợ	x				4M-342b	25278 NB			
								Đoàn Châu	x				3Q-548c	39020 NB			
3	Bùi Thị Đạt	1920	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Khai	x				1N-816k	11791 NB			
								Đỗ Xuân Phương	x				1N-815k	11790 NB			
4	Trần Thị Lưu	1899	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Phụng	x				2AC- 958b	49584 NB			
								Lê Văn Cây (cam)	x				7B-947b	38940 NB			
5	Lê Thị Niệm	1910	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Chiến Thắng			x		6N-335c	53450 NB			
								Đỗ Đa	x				2N- 217k	27603 NB			
6	Hà Thị Phiên	1913	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Tươi			x		4L-171c	50850 NB			
								Trần Xuân Cảnh	x				10-457k	13985 NB			
7	Trần Thị Huề	1913	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Lắm	x				1R-356k	11666 NB			
								Huỳnh Mùi	x				1R-355k	11667 NB			
8	Lê Thị Vót	1910	Từ trần	Kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hải	x				3K-691c	38307 NB			
								Nguyễn Bảy	x				6T-027b	38308 NB			
9	Lê Thị Liễu	1903	Từ trần	kinh	Không	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Hiểu	x				9A-091b	53347 NB			
								Đỗ Nhường	x				1N-181k	11807 NB			
10	Võ Thị Chủng (Chung)	1892	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trương Chung			x		BI-619cp	57033 NB			
								Trương Rợ	x				2BC-827b	50980 NB			
11	Huỳnh Thị Chở	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Thị Chiên	x				DY-073km	1241 QN			
								Bùi Thị Liễu	x				2U-552b	13098 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	Nguyễn Thị Nga	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Thị Nhung	x				7D- 94b	38922 NB			
								Trần Như Nỹ	x				ĐO-282km	1924 QN			
13	Nguyễn Thị Bảy	1931	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phan Tấn Cường			x		YM-577c	4584 NB			
								Phan Tấn Thức	x				2Đ-884b	47564 NB			
14	Đinh Thị Ngoạn	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Quyên	x				6k-700b	33809 NB			
								Huỳnh Thị Hường	x				PM-991k	4572 NB			
15	Ngô Thị Lịch	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Thị Sự	x				4A-702b	18231 NB			
								Trần Thị Trim	x				YM-626c	4578 NB			
16	Phạm Thị Sỹ	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đưa			x		1Q-706c	13137 NB			
								Nguyễn Văn Quang	x				1S-612c	11676 NB			
17	Trần Thị Hưu	1900	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Văn Giàu	x				DL-865bm	13015 NB			
								Nguyễn Văn Năm	x				2U-589b	13014 NB			
18	Võ Thị Phán	1907	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	3	Nguyễn Tín	x				1N-069k	13538 NB			
								Nguyễn Nhựt	x				2N-322k	27917 NB			
								Nguyễn Văn Đủ	x					15300Đ/NQ		91%	
19	Huỳnh Thị Bổn	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trịnh Tám	x				7G-14b	42999 NB			
								Trịnh Thị Chút	x				LM-676k	2871 NB			
20	Nguyễn Thị Kỳ	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Châu	x				3E-282c	33928 NB			
								Phạm Minh	x				1N-735k	13847 NB			
21	Nguyễn Thị Đáng	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trương Văn Mới	x				2U-490bm	13888 NB			
								Trương Thị Sinh	x				2L-626k	13351 NB			
22	Võ Thị Thể	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Cảnh			x		PM-935k	4566 NB			
								Phạm Thao	x				QM-102k	4567 NB			
23	Lục Thị Hồng	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Công Thành	x				AR-254b	56084 NB			
								Nguyễn Học	x				2T-590b	13131 NB			
24	Bùi Thị Ba	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Thị Hoa	x				7D-038b	38938 NB			
								Ngô Thị Bảnh	x				1V-181k	49576 NB			
25	Trần Thị Độ	1927	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Xuân Anh	x				1Z-831k	10501 NB			
								Nguyễn Thị Liễu	x				7G-286b	42991 NB			
26	Trần Thị Pho	1909	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đức Tùy	x				2P-045c	27816 NB			
								Nguyễn Đức Hồng	x				2Q-878k	27897 NB			
27	Nguyễn Thị Á	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đức Nhanh	x				7D-101b	39095 NB			
								Nguyễn Đức Mạnh	x				7D-115b	39094 NB			
28	Nguyễn Thị Dum	1904	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Văn Vỹ	x				1E-877c	10528 NB			
								Bùi Chơn	x				2U-480b	13858 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
29	Trần Thị Đột	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Hồ Của	x				2T-541b	13102 NB			
								Hồ Công	x				8N-055b	48028 NB			
30	Hồ Thị Tươi	1923	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tươi	x				1N-009k	13731 NB			
								Nguyễn Quốc Việt	x				G-605bt	53921 NB			
31	Nguyễn Thị Ba	1916	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Thới Văn Tư	x				6K- 731^{b}	33862 NB			
								Thới Văn Năm	x				YM-774^{c}	4489 NB			
32	Huỳnh Thị Mạnh	1919	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Mạnh	x				2E - 883^{c}	18225 NB			
								Nguyễn Khổng	x				5A - 606^{b}	28084 NB			
33	Nguyễn Thị Xu	1917	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Thị Xi	x				QM - 280^{k}	4464 NB			
								Huỳnh Thị Nhỏ	x				EK- 589^{km}	3264 QN			
34	Trần Thị Khóa	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Thị Lại	x				1B -988^{c}	6281 NB			
								Huỳnh Thị Tý	x				YM - 777^{c}	4497 NB			
35	Nguyễn Thị Lắm	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Dừa	x				5Đ-47c	27877 NB			
								Phạm Đúng	x				RM - 339^{k}	6290 NB			
36	Lê Thị Đương	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đương			x		ĐA- 752^{km}	1523 QN			
								Nguyễn Văn Huy	x				YM- 768^{c}	4480 NB			
37	Nguyễn Thị Be	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Be			x		1B- 980^{cm}	6286 NB			
								Lê Bụi	x				QM- 136^{km}	4461 QN			
38	Trần Thị Phương	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Cao Sơn	x				6K - 718^{b}	33864 NB			
								Cao Tuân	x				1N- 866^{k}	13378 NB			
39	Bùi Thị Thiện	1919	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Văn Tô	x				1N- 751^{k}	13893 NB			
								Ngô Văn Sự	x				1N - 941^{k}	13484 NB			
40	Huỳnh Thị Lăng	1928	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Quốc Hội	x				7G- 140^{b}	42974 NB			
								Trần Đức Ngọc	x				1Đ- 657 ^{c}	5234 NB			
41	Nguyễn Thị Lưu	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	3	Huỳnh Trung Lập	x				RM- 352^{k}	6300 NB			
								Huỳnh Trung Noa	x				CN- 351^{cm}	58023 NB			
								Huỳnh Như Nơ	x					1713 NB/CK		91%	
42	Lương Thị Xáng	1905	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tấn Bút	x				CX- 546^{bp}	275 QN			
								Nguyễn Tấn Như	x				1N- 867^{k}	13375 NB			
43	Cao Thị Trơn	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Trơn			x		DM- 211^{km}	778 QN			
								Nguyễn Gặp	x				QM- 184^{k}	4487 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
44	Nguyễn Thị Thoại	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Sinh	x				2E-885c	18239 NB			
								Nguyễn Văn Ân	x				6I-498b	32286 NB			
45	Dương Thị Đâu	1900	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Xin	x				7Q-594b	45638 NB			
								Lê Ứt	x				1M-987c	13637 NB			
46	Trần Thị Kín	1919	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tứ	x				7D-334b	38990 NB			
								Nguyễn Thị Xuân Phương	x				5D-006b	27910 NB			
47	Phạm Thị Thiệt	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Mai Giỡn	x				5D-062b	27911 NB			
								Nguyễn Ngọc Thơ	x				9H-723b	52137 NB			
48	Nguyễn Thị Thia	1922	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Ngọc	x				2Đ-386k	18224 NB			
								Lê Văn Ba	x				5Đ-121b	27952 NB			
49	Lê Thị Luyện	1892	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Lâm Trung	x				1P-160c	13871 NB			
								Bùi Thành	x				1QC-254b	40965 NB			
50	Trần Thị Mau	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Ngọc Niên	x				5B-329b	27721 NB			
								Nguyễn Chi	x				1N-961k	13444 NB			
51	Võ Thị Đà (Đa)	1903	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Toan	x				YM-612c	4581 NB			
								Nguyễn Văn Minh	x				2X-795b	13948 NB			
52	Lê Thị Thu (Giúp)	1916	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Thị Giúp	x				CN-269cm	57863 NB			
								Ngô Công Bạn	x				2X-793b	13946 NB			
53	Nguyễn Thị Đính	1920	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phan Văn Đính	x				ĐA-758km	1509 QN			
								Phan Đe	x				4G-283c	50367 NB			
54	Võ Thị Vạn	1890	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Như Tĩnh	x				4M-088c	33874 NB			
								Trần Thơ	x				1LC-110c	36045 NB			
55	Phạm Thị Tạ	1907	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Lê	x				1P-151c	13845 NB			
								Nguyễn Tuyên Thảo	x				1P-186	13838 NB			
56	Võ Thị Nhường	1904	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Thành	x				2T-525c	29397 NB			
								Huỳnh Tròn	x				5D-492b	27879 NB			
57	Dương Thị Lưỡng	1912	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thọ	x				1Đ-250c	13020 NB			
								Nguyễn Ngọc Tấn	x				1N-738k	13857 NB			
58	Nguyễn Thị Hạnh	1912	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	2	Nguyễn Hạnh	x				Y-949kt	55173 NB			
								Nguyễn Dụng	x				1N-202k	11836 NB			
59	Nguyễn Thị Ngạn	1921	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tet			x		EL-418cm	3505 QN			
								Nguyễn Tốt	x				1Đ-811b	9905 NB			
60	Lê Thị Lãnh	1910	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đớ	x				EL-388cm	3503 QN			
								Nguyễn Khôi	x				2L-295cm	2325 NB			
61	Huỳnh Thị Thái	1931	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Văn Cầm			x		1T-560c	14048 NB			
								Trần Thanh Long	x				1S-908k	14047 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
62	Nguyễn Thị Danh	1926	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Vân	x				1S-570c	11700 NB			
								Nguyễn Văn Phúc	x				1N-846k	11701 NB			
63	Lê Thị Sâm	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Hồng	x				PM-456b	T-2989			
								Lê Hành	x				BM-536k	T-2989			
64	Trần Thị Lên	1920	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Thị Lên				x	CD-526km	57554 NB			
								Trịnh Ngàn	x				LM-618k	2984 NB			
65	Nguyễn Thị Nguyên	1919	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Do	x				GĐ-413cm	5159 QN			
								Nguyễn Thứ	x				1M-075k	13549 NB			
66	Nguyễn Thị Luân	1903	Từ trần	kinh	Không	Xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	2	Thân Châu	x				3H-160km	37645 NB			
								Thân Lý	x				2OC-081bp	50614 NB			
67	Phan Thị Mẹo	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Bình Thanh (nay là Bình Thanh Đông), huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2	Tiêu Ân	x				2H-295k	20226 NB			
								Tiêu Viết Ái	x				DY-215Km	1102 QN			
68	Huỳnh Thị Nọ	1925	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Dương Chiến	x				YL - 263b	1756 NB			
								Dương Văn Tuân	x				LM -958k	2108 NB			
69	Nguyễn Thị Hòe	1889	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Cợt	x				GV - 901cm	6094 QN			
								Trần Ne	x				ĐZ - 863cm	2853 QN			
70	Trần Thị Cọ	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Ngọc Lê	x				2L - 305c	2486 NB			
								Nguyễn Mẹo	x				YL - 285b	1780 NB			
71	Lê Thị Thanh	1923	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Phú			x		CN - 286cm	57953 NB			
								Nguyễn Vinh	x				6AA - 690b	53009 NB			
72	Phạm Thị Xề	1857	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Nho	x				CU -694cm	123 QN			
								Nguyễn Nhẻ	x				DB - 910km	475 QN			
73	Nguyễn Thị Mặt	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Bá Vương	x				TM - 481c	2472 NB			
								Ngô Văn Khánh	x				YL - 277b	1772 NB			
74	Nguyễn Thị Viềng	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Cửng			x		DY - 263cm	1182 QN			
								Nguyễn Nghĩa	x				4L -312c	51851 NB			
75	Phạm Thị Ái	1925	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Tống Nghi			x		AG - 308c	50155 NB			
								Tống Ba	x				6I -537b	36937 NB			
76	Trần Thị Yên	1894	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thủ	x				1KC - 555b	36977 NB			
								Nguyễn Quýt	x				1LC - 100b	37077 NB			
77	Võ Thị Lững	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Văn Luận	x				YL -271b	1768 NB			
								Đinh Thị Toáng	x				3Y - 603c	47406 NB			
78	Nguyễn Thị Bộ	1924	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Phu	x				YT -556b	1805 NB			
								Võ Phụ	x				L -135bt	53926 NB			
79	Hồ Thị Nên	1908	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Pha	x				3R - 055k	47990 NB			
								Lê Thị Cúc	x				5D - 016b	27290 NB			
80	Dương Thị Ở	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Năm	x				GC - 342cm	4950 QN			
								Nguyễn Tám	x				GM - 054b	36145 NB			
81	Phạm Thị Thức	1903	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Thị Thức				x	EL - 434cm	3467 QN			
								Lê Giàu	x				YT - 501b	1823 NB			
82	Nguyễn Thị Thọ	1923	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Thọ				x	GH - 836cm	5573 QN			
								Võ Văn Năm	x				GH -334km	4949 QN			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
83	Lê Thị Phiếm	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Tía	x				6M - 048b	37046 NB			
								Phạm Rịm	x				ĐR - 259km	2016 QN			
84	Phạm Thị Tặng	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Thu	x				6L - 992b	37044 NB			
								Lê Nhỏ	x				LM - 945k	2010 NB			
85	Lê Thị Tạc	1905	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Liễu	x				2N -155k	31413 NB			
								Nguyễn Bảng	x				LM -913k	2066 NB			
86	Đào Thị Bút	1919	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Xuân Quang	x				2A - 084b	19720 NB			
								Lê Văn Thôi	x				AC - 212k	19719 NB			
87	Nguyễn Thị Thông	1917	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Nể	x				ĐU - 090km	2088 QN			
								Phạm Tấn Minh	x				5D - 363c	27224 NB			
88	Nguyễn Thị Lưu	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Tý			x		GC -337cm	4956 QN			
								Lê Trọng Văn	x				YT - 540b	1844 NB			
89	Trần Thị Sửu	1914	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Mai Đình Huân	x				2L - 315c	2476 NB			
								Mai Đình Minh	x				3Z - 992k	52706 NB			
90	Trần Thị Ư	1900	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Kế	x				TM -371c	2475 NB			
								Nguyễn Tấn Đồng	x				DB - 912km	55545 NB			
91	Nguyễn Thị Ở	1922	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Ở				x	HL - 144cm	6978 QN			
								Lê Giữ	x				YT - 490b	1814 NB			
92	Nguyễn Thị Thoa	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Phương	x				EG - 555cm	3111 QN			
								Nguyễn Liệu	x				3Q - 482k	47397 NB			
93	Mai Thị Phòng	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Quyện	x				5D - 428b	27212 NB			
								Phạm Hảo	x				9C - 809b	50154 NB			
94	Phạm Thị Kia	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tấn Dơ	x				YL - 286b	1781 NB			
								Nguyễn Thị Luận	x				9G - 030b	49711 NB			
95	Mai Thị Tam	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Bang	x				AT - 379cm	56314 NB			
								Nguyễn Văn Tám	x				2Z - 729k	36989 NB			
96	Nguyễn Thị Trĩ	1926	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Trĩ				x	HL - 151cm	6964 QN			
								Nguyễn Văn Vàng	x				PM - 413c	1646 NB			
97	Võ Thị Quyệt	1898	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Thị Quyệt				x	GC - 352cm	4952 QN			
								Trương Văn Kiệt	x				AK- 463cm	55820 QN			
98	Nguyễn Thị Sum	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Ngô Cần	x				3Q -409k	47400 NB			
								Ngô Tới	x				3M- 932c	40653 NB			
99	Nguyễn Thị Mú	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Hành	x				GH- 718km	5565 QN			
								Lê Thị Hộp	x				YL -281b	1776 NB			
100	Võ Thị Vảy	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Lới			x		DM -244cm	762 QN			
								Võ Đạt	x				LM- 912k	2004 NB			
101	Mai Thị Tứ	1912	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Văn Lắm	x				ĐO- 270bm	1905 QN			
								Võ Thị Hương	x				ĐU- 132km	2225 QN			
102	Trần Thị Trọng	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đáp			x		HL- 129cm	6966 QN			
								Nguyễn Tấn Lập	x				YT- 518b	1836 NB			
103	Mai Thị Đào	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Nông	x				YL- 256b	1748 NB			
								Võ Tấn Minh	x				YL- 255b	1747 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
104	Bùi Thị Vàng	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Thị Mai	x				ĐR- 290cm	2074 QN			
								Phạm Thị Thêm	x				GV- 879cm	6129 QN			
105	Nguyễn Thị Được	1925	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Dữ	x				5H- 116b	26633 NB			
								Nguyễn Đủ	x				6L- 742b	37051 NB			
106	Hồ Thị Vấn	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Văn Ích	x				6I -667b	36994 NB			
								Võ Văn Thu	x				5D- 588b	27283 NB			
107	Võ Thị Mẹo	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Tấn Đức	x				5L- 986b	26627 NB			
								Đỗ Tấn Thọ	x				5N -169c	52707 NB			
108	Phạm Thị Mẹo	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Văn Phải	x				5H- 446b	26629 NB			
								Nguyễn Thị Đúng	x				YL- 264b	1758 NB			
109	Nguyễn Thị Bi	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Rợ			x		4C -308c	51376 NB			
								Võ Nam	x				YL- 284b	1779 NB			
110	Nguyễn Thị Chuẩn	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tấn Đắc	x				4N- 810c	52523 NB			
								Nguyễn Hảo	x				2U- 190c	30843 NB			
111	La Thị Nguồn	1917	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Đức Hoanh	x				CU -643cm	54 QN			
								Bùi Thị Xuân Hoa	x				ĐO- 278bm	1814 QN			
112	Cao Thị Đớ	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Tân	x				1Q-686b	7568 NB			
								Phạm Cảnh	x				1Q- 666b	7569 NB			
113	Lê Thị Tý	1927	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Hồng	x				5M-889b	30805 NB			
								Phạm Bé	x				1T- 039k	14179 NB			
114	Đồng Thị Điệt	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Thiên Thừa	x				5N -108c	52713 NB			
								Đinh Thiên Văn	x				1PC- 988b	41426 NB			
115	Đặng Thị Tiệp	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Thị Hợi	x				2E -395c	19401 NB			
								Phạm Lá	x				2D -08k	19499 NB			
116	Lê Thị Ao	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hiền	x				1Q -626b	7586 NB			
								Nguyễn Tuôi	x				6T -886b	36182 NB			
117	Đặng Thị Kinh	1887	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Bông	x				2Đ -88k	19489 NB			
								Lê Lài	x				9A -728b	48513 NB			
118	Lê Thị Qua	1904	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đặng Văn Danh	x				7E -823b	41275 NB			
								Đặng Mười	x				HG- 808bm	6732 QN			
119	Nguyễn Thị Hoàng	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Thị Thu	x				2E- 370c	14102 NB			
								Huỳnh Thị Điệp	x				1T -301k	14101 NB			
120	Nguyễn Thị Ngọ	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thành			x		1K -214c	9712 NB			
								Nguyễn Trung	x				1Q -541k	9711 NB			
121	Ngô Thị Cái	1897	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Cừu	x				DM -252cm	769 QN			
								Lê Văn Bửu	x				1S- 885k	14208 NB			
122	Hà Thị Điền	1889	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Mai Văn Quế	x				1QC- 215b	41188 NB			
								Mai Chi	x				1QC -113b	41189 NB			
123	Cao Thị Nhỏ	1932	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bạch Can			x		1T - 673c	14131 NB			
								Bạch Đảm	x				1Q - 621b	7590 NB			
124	Phan Thị Thôi	1903	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Thành Châu	x				1B - 547c	8756 NB			
								Đinh Đinh	x				2E - 428c	19523 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
125	Trương Thị Lài	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Minh Long	x				1T - 664c	14197 NB			
								Phạm Thủy	x				1T - 700k	14161 NB			
126	Nguyễn Thị Nghĩnh	1911	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Nghĩnh	x				1PC - 195b	41267 NB			
								Võ Được	x				1PC -195b	41268 NB			
127	Nguyễn Thị Thích	1887	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Khâm	x				1Q - 702b	7576 NB			
								Lê Hoàng	x				3Y - 112k	14194 NB			
128	Đoàn Thị Tân	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Đó	x				5N - 998b	30983 NB			
								Trần Nhâm	x				7G - 225b	41300 NB			
129	Đặng Thị Tình	1928	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Văn Hương	x				7G -161b	41283 NB			
								Trần Kiền			x		4E - 559c	49136 NB			
130	Ngô Thị Hường	1917	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Đa	x				3K - 787b	19511 NB			
								Lê Văn Sự	x				5M - 175b	30884 NB			
131	Lê Thị Thường(Thừa)	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Minh Châu	x				3K - 738b	19422 NB			
								Bùi Thị Thanh	x				7E -954b	41307 NB			
132	Trịnh Thị Có	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đoàn Hường	x				3Y - 168c	46442 NB			
								Đoàn Văn Ta	x				7G -028b	41311 NB			
133	Đỗ Thị Hường	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Diệp Văn Liên	x				2Đ - 080k	19416 NB			
								Diệp Văn Lý			x		2E -398c	19417 NB			
134	Huỳnh Thị Bờ	1900	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lương Sắt	x				2E - 427c	19522 NB			
								Lương Thị Sáu	x				3K - 743b	19427 NB			
135	Lê Thị Mười	1916	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Chánh			x		DB -961km	317 QN			
								Nguyễn Thừa	x				3M -860k	43646 NB			
136	Lê Thị Nhạc(Mua)	1885	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Hà Thái Đắc	x				7E - 854b	41379 NB			
								Hà Thái Ý	x				NC -847c	TN-5488			
137	Trần Thị Hợi	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Hội	x				P -495bm	54491 NB			
								Huỳnh Văn Nờm	x				2Đ - 081k	19418 NB			
138	Cao Thị Lợi	1909	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Anh	x				3K - 784b	19508 NB			
								Nguyễn Tửu(Tựu)	x				1PC -289b	41308 NB			
139	Huỳnh Thị Thuộc	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Bình	x				7E - 746b	41289 NB			
								Phạm Ký	x				1PC -431b	41290 NB			
140	Huỳnh Thị Nên	1909	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hảo(Khuyên)			x		1T - 576c	14084 NB			
								Nguyễn Khuyên	x				2Y - 304c	31424 NB			
141	Phạm Thị Đầy	1922	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Đình Nhung	x				7G -240b	41265 NB			
								Đỗ Đình Quế	x				6K - 954b	36146 NB			
142	Huỳnh Thị Mau	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đức Trung	x				2Đ -405k	18268 NB			
								Nguyễn Tấn			x		3Q - 578c	40267 NB			
143	Nguyễn Thị Bảy	1896	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Ngoạn	x				1PC -465b	41361 NB			
								Phạm Cát Quang	x				ĐZ- 685bm	2678 QN			
144	Nguyễn Thị Hiếu	1896	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trịnh Thị Rồi(Mai)	x				ĐZ- 872bm	2671 QN			
								Trịnh Thông	x				1QC- 261b	41195 NB			
145	Trần Thị Dậu	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Đàn	x				1R- 787k	14546 NB			
								Nguyễn Hợi	x				4L -363c	51155 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
146	Bùi Thị Kiến	1932	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phan Diệm			x		3Y -531c	46432 NB			
								Phan Tấn Phước	x				3K-730b	19405 NB			
147	Nguyễn Thị Ngọ	1905	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Tòa	x				DB- 908km	346 QN			
								Trần Đình Vọng	x				4H -103c	49887 NB			
148	Bùi Thị Kính(Nà)	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Hồ Hộ	x				GV- 804cm	6200 QN			
								Bùi Thị Kính(Na)				x	36G -595c	37021 NB			
149	Đào Thị Du	1893	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Duy Mẹo	x				P -490cp	54422 NB			
								Đinh Nam	x				3K- 993c	43665 NB			
150	Nguyễn Thị Cửu	1912	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê cho	x				1S- 883k	14205 NB			
								Lê Văn Quá	x				5D- 418b	27571 NB			
151	Lê Thị Quỳnh		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Đình Chừ	x				HB- 890cp	6473 QN			
								Võ Đình Nghiêng	x				2Q -307c	26538 NB			
152	Nguyễn Thị Nhi	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Quyện	x				1OC-845b	40299 NB			
								Nguyễn Văn Mãn	x				QM- 082k	4074 NB			
153	Nguyễn Thị Cần	1903	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Đình Thăng	x				HA- 801 cm	6113 QN			
								Phạm Đình Hòa	x				HG- 32cm	6035 QN			
154	Nguyễn Thị Toán		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Đại	x				7D - 003b	40301 NB			
								Trần Đức	x				DM.-962 k	4058 NB			
155	Lê Thị Cư	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Quang Chủ	x				1B -146k	7634 NB			
								Phạm Thị Tám	x				1B-133k	7633 NB			
156	Nguyễn Thị Dần	1925	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phan Văn Giáo	x				4M -154b	19659 NB			
								Phan Văn Quyết	x				3K-876b	19553 NB			
157	Võ Thị Tuông	1905	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Ngọc Mai	x				QM-019k	4047 NB			
								Nguyễn Xuân	x				QM-069k	4048 NB			
158	Võ Thị Hích	1902	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Xuân Khoa	x				3Y-497c	46437 NB			
								Lê Xuân Hy	x				5X-528b	31005 NB			
159	Lâm Thị Ri		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Tiến Biên	x				4M-023b	19692 NB			
								Đinh Thị Nga	x				XM-505c	4175 NB			
160	Nguyễn Thị Mỹ	1910	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đào Đở	x				PM-747k	4143 NB			
								Đào phú	x				4M-247b	19651 NB			
161	Lâm Thị Tộ	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Lý			x		4P-846cm	4304 QN			
								Nguyễn Thị Long	x				4M-867c	52459 NB			
162	Trương Thị Xuân	1929	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Giáp			x		AK-445cm	55825 QN			
								Võ Lên	x				3X-321k	51012 NB			
163	Lê Thị Nhiễu	1896	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Từ Bạn	x				YM-565k	4060 NB			
								Từ Bè	x				EP-753km	4308 QN			
164	Bùi Thị Bường	1895	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Sơn	x				10C-848b	40300 NB			
								Nguyễn Tư	x				PM- 797k	4158 NB			
165	Bùi Thị Đây	1928	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Long			x		4M-865c	52444 NB			
								Lê Thuận	x				1B-155k	7631 NB			
166	Lê Thị The	1932	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Thị The				x	AY- 065	52442 NB			
								Phan Công	x				3Y- 824k	52441 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
167	Phạm Thị Ngọ	1926	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Hoàng					PM-755k	4149 NB			
								Trần Chiến					PM-802k	4150 NB			
168	Trần Thị Vân	1928	Liệt sỹ	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Đạt	x				6E -782b	36195 NB			
								Trần Thị Vân				x	GO-623cm	5929 QN			
169	Lê Thị Nhiêu	1909	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Ngọc Trân			x		1AC- 551c	52701 NB			
								Phạm Ngọc Hồng	x				10C - 030b	40591 NB			
170	Phạm Thị Quyết	1892	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Bùi Toàn			x		1AC- 932c	53427 NB			
								Bùi Thắng	x				1AC-776	53025 NB			
171	Nguyễn Thị Tuất	1922	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Tống Văn Anh	x				3K-750b	19434 NB			
								Tống Nga	x				PM-810k	4157 NB			
172	Bùi Thị Hương	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Từ Quảng			x		HG -838cm	6115 QN			
								Từ Thị Hà	x				PM-753k	4173 NB			
173	Lê Thị Vĩ	1912	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Văn Mai	x				PM -771k	4153 NB			
								Trần Văn Thanh	x				4P -922b	19619 NB			
174	Đặng Thị Cấp	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hoa	x				EP-700km	4310 QN			
								Nguyễn Xuân	x				YM-483c	4130 NB			
175	Nguyễn Thị Mùa		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Ngọc Trân	x				1AC -551c	52701 NB			
								Phạm Ngọc Cơ	x				1AC-546	52699 NB			
176	Nguyễn Thị Cơ	1899	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Chín	x				QM- 071k	4077 NB			
								Lê Văn Dục	x				4M-119b	19681 NB			
177	Nguyễn Thị Mén	1916	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Huỳnh Kín			x		2I -3933c	19616 NB			
								Huỳnh Liền	x				6A-790c	5696 NB			
178	Nguyễn Thị Mai	1921	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Văn Tiện	x				BE -812cm	55477 NB			
								Nguyễn Thị Tùy	x				BE -811cm	55478 QN			
179	Nguyễn Thị Thống	1884	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	3	Phan Thanh Trà	x				YM -500c	4145 NB			
								Phan Anh Linh	x				2I -527C	19665 NB			
								Phan Thị Thiện	x				EL- 442cm	3464 QN			
180	Tống Thị Xì	1894	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Nhỏ	x				1OC -118b	40516 NB			
								Nguyễn Nối	x				BM- 669cm	57278 NB			
181	Lê Thị Lý	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Minh	x				DO- 47bm	892 QN			
								Võ Văn Thái	x				1V -087cm	8088 NB			
182	Nguyễn Thị Yêm	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Dung	x				1V- 014b	8086 NB			
								Lê Văn Oanh	x				3O- 572c	40273 NB			
183	Phan Thị Kìa	1908	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hội	x				ĐR -315cm	2017 QN			
								Nguyễn Văn Hường	x				CU- 743km	94 QN			
184	Bùi Thị Nuôi		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Miên	x				6M -509b	34043 NB			
								Nguyễn Đình Long	x				7K -251b	1463 NB			
185	Phùng Thị Thuyền	1917	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Thị Hồng Liên	x				6I -710b	36954 NB			
								Võ Thanh Giảng	x				6I- 603b	36953 NB			
186	Bùi Thị Về	1923	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Tích	x				1V- 083b	8099 NB			
								Nguyễn Sai	x				1K -353c	10712 NB			
187	Nguyễn Thị Ngộ	1914	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Thị Chi	x				1Z-717b	7606 NB			
								Trần Thị Lợi	x				GV- 905cm	6205 QN			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
188	Trần Thị Nhiến	1909	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trương Thị Khẩn	x				ĐL -153cm	1618 QN			
								Trương Tấn Chơi	x				1Z- 720b	7688 NB			
189	Nguyễn Thị Tòng	1920	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Hồng Nông	x				9G- 114b	49863 NB			
								Lê Văn Đông	x				DC- 216bm	576 QN			
190	Nguyễn Thị Minh		Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Lịch	x				BX -413km	57560 NB			
								Trần Hóa	x				6I-640b	36956 NB			
191	Nguyễn Thị Nuông	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Mùi	x				1G -380c	10693 NB			
								Phạm Tý	x				1L -702b	7693 NB			
192	Phạm Thị Thương	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trương Kia			x		DC- 077cm	351 QN			
								Trương Vĩnh Đở	x				1R -409b	7734 NB			
193	Nguyễn Thị Bán	1923	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đào Dưỡng			x		EO -754cm	3798 QN			
								Đào Tấn Thành	x				9G-168b	49832 NB			
194	Nguyễn Thị Hồ	1895	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Hùng	x				DC- 224bm	294 QN			
								Nguyễn Công Huân	x				4V- 352b	7690 NB			
195	Nguyễn Thị Xang	1899	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Luận	x				4L - 132c	51024 NB			
								Lê Thoại	x				DL - 172cm	1569 QN			
196	Trương Thị Thìn	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Thị Nên	x				1K- 967c	10737 NB			
								Lê Loan	x				9A- 718b	48909 NB			
197	Võ Thị Xề	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Văn Sơ	x				1Z -696b	7691 NB			
								Trần Ly	x				1Z- 667b	7602 NB			
198	Huỳnh Thị Cư	1915	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Nho			x		DX -862cm	1110 QN			
								Nguyễn Tra	x				4H -436b	22887 NB			
199	Huỳnh Thị Theo	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	3	Đoàn Thìn	x				6I- 997b	36961 NB			
								Đoàn Văn Ty	x				1R -361b	7706 NB			
								Đoàn Thị Tuất	x				EL- 203km	3480 QN			
200	Lê Thị Khía	1913	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Thị Khía				x	EP- 816cm	4290 QN			
								Hồ Đức Chung	x				2T- 549c	30804 NB			
201	Võ Thị Huyến	1904	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Đình Diên	x				AK- 440cm	55846 NB			
								Võ Duy Dút	x				EM v363k	1414 NB			
202	Trần Thị Rý	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Mớn			x		TM -601c	2494 NB			
								Lê Xuân Ba	x				YT- 482b	1810 NB			
203	Phạm Thị Minh	1926	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đỗ Nhu			x		AK- 470cm	55843 NB			
								Đỗ Duy Cần	x				GV- 629bm	6030 QN			
204	Lê Thị Thối	1905	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Văn Hoàng	x				2CC- 858b	53013 NB			
								Nguyễn Ngọc Trì	x				LM- 972k	2064 NB			
205	Ngô Thị Huê	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Vệ			x		GD- 909cm	5175 QN			
								Phạm Hùng	x				EM- 373k	1401 NB			
206	Nguyễn Thị Hằng	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phan Đầy	x				1S- 887k	14211 NB			
								Phan Yến	x				1S- 886k	14210 NB			
207	Nguyễn Thị Toạ	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Phạm Ngọc Dân	x				YM -462k	4123 NB			
								Phạm Thị Hoanh	x				EL- 430 cm	3513 QN			
208	Nguyễn Thị Cảng	1912	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Hữu Đạn	x				1B-104c	7642 NB			
								Võ Hữu Nhàn			x		3E-425c	36188 NB			

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
209	Phùng Thị Dữ	1930	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Mai Bầm			x		ER -873cm	4434 QN			
								Mai Quang Trung	x				5H- 310b	26610 NB			
210	Võ Thị Dùa	1890	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Mai Bầm	x				ER- 873cm	4434 QN			
								Mai Ngọ	x				1R- 417b	7742 NB			
211	Nguyễn Thị Kiền	1918	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	3	Nguyễn Thị Kiền				x	DT -737cm	2079 QN			
								Phạm Nga	x				ĐT-746cm	2235 QN			
								Phạm Thị Lữ	x				HL -155cm	6977 QN			
212	Lê Thị Phới	1900	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Thăng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Võ Văn Tươi	x				5D- 381b	27270 NB			
								Võ Xự	x				LM -978k	2056 NB			
213	Võ Thị Đương	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Lựu			x		GA- 708cp	4628 QN			
								Nguyễn Lệnh	x				HA-767cm	6112 QN			
214	Trần Thị Vụn	1906	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Lê Văn Minh	x				1Q- 672c	7577 NB			
								Lê Thanh Xuân	x				1Q -682c	7578 NB			
215	Võ Thị Dạ	1895	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Muộn	x				ED-849km	4303 QN			
								Nguyễn Màng	x				3K-782c	41058 NB			
216	Nguyễn Thị Biện	1926	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Trần Văn Nhẫn	x				7G-225b	41246 NB			
								Trần Văn Dũng	x				3I- 552k	40281 NB			
217	Nguyễn Thị Việt	1919	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Đinh Khương			x		1K- 370c	10725 NB			
								Đinh Ngoa	x				1C- 034b	47403 NB			
218	Trương Thị Cái	1924	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Mận	x				DY- 063km	1027 QN			
								Trương Thị Cái				x	EP - 913cm	4292QN			
219	Đoàn Thị Thêm	1916	Từ trần	Kinh	Không	Xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	2	Nguyễn Thị Lê	x				1R- 639b	55412 NB			
								Nguyễn Đức Gành	x				6I- 608b	56952 NB			

TỔNG CỘNG: 219 TRƯỜNG HỢP

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Khoa